NHIỀU TÁC GIẢ

TRẦN TỬ BÌNH

Từ Phú Riềng Đỏ đến mùa Thu Hà Nội...

Nhà xuất bản Lao Động

TRẦN TỬ - Từ Phú Riềng Đỏ đến Mùa thu Hà Nội...

ĐC
428

NXB
Lao Động

TRẦN TỬ BÌNH

Từ Phú Riềng Đỏ đến mùa Thu Hà Nội...

NHIỀU TÁC GIẢ

Gia đình Thiếu tướng
TRẦN TỬ BÌNH
Kính biếu

Xin cảm ơn sự đóng góp và phê bình của bạn đọc!

BAN BIÊN SOẠN:

- Tiến sĩ Trần Kháng Chiến
- Nhà Sử học Dương Trung Quốc
- Đại tá Nhà báo Phạm Đình Trọng
- Trần Kiến Quốc - Thư ký.
- Trần Việt Trung

959.7092
TR 121 T

NHIỀU TÁC GIẢ

TRẦN TỬ BÌNH

Từ Phú Riềng Đỏ đến mùa Thu Hà Nội...

ĐC: 428
THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
2006

TRẦN TỬ BÌNH
(1907 - 1967)

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Trần Tử Bình tên thật là Phạm Văn Phu, sinh năm 1907, trong một gia đình nông dân nghèo theo đạo Thiên Chúa, tại xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1. Sự kiện "Phú Riềng Đỏ" 1930

Vì tham gia phong trào yêu nước, vận động giáo sinh ở Chủng viện Hoàng Nguyên (giáo phận Hà Đông) để tang cụ Phan Chu Trinh nên cuối năm 1926 ông bị đuổi học. Năm 1927, được Tống Văn Trân giác ngộ, ông kí hợp đồng vào Nam Bộ làm phu đồn điền cao su Phú Riềng.

Tại Phú Riềng, ông được nhà cách mạng Ngô Gia Tự giác ngộ, kết nạp vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Tháng 10 năm 1929 là đảng viên Đông Dương cộng sản Đảng tại chi bộ Phú Riềng.

Cuối năm 1929 ông thay đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư chi bộ. Đầu năm 1930, chi bộ lãnh đạo cuộc

đấu tranh đòi quyền sống của 5.000 công nhân Phú Riềng, làm nên "Phú Riềng Đỏ" lịch sử. Sau đó, ông bị bắt, bị kết án 10 năm tù và đày ra Côn Đảo.

2. Thời gian ở nhà tù Côn Đảo 1931 - 1936

Bị thực dân Pháp giam cầm tại Côn Đảo, ông vẫn tiếp tục học tập lí luận cách mạng, chủ nghĩa Mác-Lênin và đấu tranh đòi độc lập cho Tổ quốc. Thời gian này, ông kết thân với các đồng chí Cộng sản yêu nước như: Tôn Đức Thắng, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Trần Xuân Độ, Nguyễn Văn Phát v.v... Sau này họ đều trở thành những cán bộ cốt cán của cách mạng Việt Nam.

Năm 1936, do ảnh hưởng của Mặt trận Bình Dân, ông được chính quyền thực dân trả về đất liền và bị quản thúc ở quê nhà.

3. Thời kì hoạt động bí mật 1936 - 1945

Sau khi về Bình Lục, ông làm thầy kí ở phố huyện, nhưng vẫn tiếp tục hoạt động bí mật. Lần lượt giữ các chức vụ khác nhau trong Đảng bộ tỉnh Hà Nam như Bí thư chi bộ, Bí thư Huyện ủy Bình Lục, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam.

Năm 1941, ông được chỉ định vào Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách Liên tỉnh C (Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình) vào các năm 1940 và 1943; Liên tỉnh D (Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang) - 1941.

Ngày 24 tháng 12 năm 1943, ông bị bắt ở Thái Bình. Đầu năm 1944 sau khi vượt ngục ở Hà Nam bất thành, ông bị chuyển về Hỏa Lò (Hà Nội) và được anh em tù bầu là Trưởng ban sinh hoạt (tổ chức hoạt động công khai của tù chính trị). Ngày 12 tháng 3 năm 1945, ông tham gia tổ chức cuộc vượt ngục theo đường cống ngầm, giải thoát cho gần 100 tù chính trị.

Sau đó, ông về xây dựng Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh.

Là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, ông tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945 ở Hà Nội và một số tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ.

4. Thời kì phục vụ quân đội 1945 - 1959

Tháng 9 năm 1945, ông được giao nhiệm vụ Phó giám đốc, Chính trị ủy viên Trường Quân chính Việt Nam (sau đổi tên là Trường Cán bộ Việt Nam). Tháng 5 năm 1946 là Phó giám đốc, Chính ủy Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn.

Năm 1947, ông là Phó bí thư Quân ủy Trung ương, Trưởng phòng Kiểm tra cán bộ - Chính trị Cục. Cuối 1947 cùng đồng chí Lê Thiết Hùng chỉ huy mặt trận Sông Lô thắng lợi.

Tháng 1 năm 1948, Trần Tử Bình được phong Thiếu tướng trong đợt phong quân hàm đầu tiên. Cùng thời gian, ông được bổ nhiệm là Phó tổng Thanh tra quân đội.

Thời gian 1950 - 1956 là Chính ủy Trường Lục quân Việt Nam tại Trung Quốc. Tháng 2 năm 1951 là đại biểu

quân đội dự Đại hội Đảng II tại Việt Bắc.

Thời gian 1956 - 1958, ông giữ chức vụ Tổng Thanh tra quân đội, Phó tổng Thanh tra Chính phủ, tham gia "sửa sai" sau Cải cách ruộng đất.

5. Thời kì công tác ngoại giao 1959 - 1967

Năm 1959, theo yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông chuyển sang công tác tại Bộ Ngoại giao và được bổ nhiệm làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Trung Quốc, kiêm Đại sứ tại Mông Cổ. Trong 8 năm làm đại sứ, ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có nhiều đóng góp vào việc xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác Việt - Trung.

Năm 1960, ông được bầu là đại biểu quân đội dự Đại hội Đảng III và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông là đại biểu Quốc hội khóa II và khóa III.

Ông mất ngày 11 tháng 2 năm 1967 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, Hà Nội.

Do công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Thiếu tướng Trần Tử Bình được tặng thưởng:

- *Huân chương Quân công hạng Ba*
- *Huân chương Chiến thắng hạng Nhất*
- *Huân chương Độc lập hạng Nhất (truy tặng năm 1967)*
- *Huân chương Hồ Chí Minh (truy tặng năm 2001).*

LỜI GIỚI THIỆU

Nhà Sử học Dương Trung Quốc

Thực tiễn của công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta đã xuất hiện rất nhiều tên tuổi các nhà cách mạng. Nhưng hẳn không nhiều trường hợp như Trần Tử Bình, một con người xuất thân từ một nông dân nghèo khổ lại theo đạo Thiên Chúa, trưởng thành trong phong trào đấu tranh của một tầng lớp xã hội tiêu biểu nhất cho lớp người cùng khổ dưới chế độ thuộc địa là những người phu đồn điền cao su ở Nam Bộ; để rồi trở thành người Cộng sản thuộc lớp đảng viên đầu tiên, thành lập công đoàn, lãnh đạo bãi công và bị thực dân bắt đày đi tù ngoài Côn Đảo...; để rồi trở thành một nhà lãnh đạo phong trào tiền khởi nghĩa một vùng rộng lớn ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ; rồi với cương vị Xứ ủy viên Bắc Kỳ tham gia ban lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa ở thủ đô Hà Nội, rồi lại trở thành một vị tướng gánh vác nhiều trọng trách trong quân đội và công việc cuối cùng là trên cương vị một Đại sứ đặc mệnh toàn quyền hoạt động trên mặt trận ngoại giao. Ông qua đời khi vừa tròn tuổi 60 (1907 - 1967).

Tất cả thông số về lý lịch nêu trên của một con người còn cho thấy cả một toàn cảnh đầy biến đổi gian khổ và hào hùng của lịch sử cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nước ta. Trần Tử Bình là một mẫu người đa năng khá phổ biến của thời kỳ cách mạng còn non trẻ nhưng rất trong sáng. Cái tinh thần *"đâu có giặc là ta cứ đi"* ,*"nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"* từng thôi thúc lớp người tiên phong như Trần Tử Bình làm nên những sự nghiệp lớn cho dân tộc. Đó cũng là những tấm gương lớn cho các thế hệ.

Tập sách này là phác thảo chân dung của Trần Tử Bình được tích lũy qua nhiều hoạt động sử học và văn học. Đó là cuốn sách truyện thể loại truyền thống viết về Phú Riềng Đỏ khi Trần Tử Bình còn là những nhân mối đầu tiên nhen nhóm ngọn lửa cách mạng trong phong trào công nhân cao su. Đó là những bài viết, hồi ức của những người đương thời với ông, của thế hệ con cháu ông khắc họa một tấm gương để lại... Đó cũng là tiếng nói tưởng nhớ ông trong một sinh hoạt sử học mới đây nhân kỷ niệm cuộc Cách mạng tháng Tám. Điều dễ thấy ở lớp người như Trần Tử Bình không phải là sự nổi trội của một người xuất chúng mà là những con người bám chắc lấy quần chúng để làm nên sự nghiệp lớn. Điều đó cũng có nghĩa là một cuốn sách viết về Trần Tử Bình cũng là một chương sử thời đại mà ông đã sống, đã cống hiến một cách tận tụy và hóa thân cho một sự nghiệp lớn.

Một cuốn sách như vậy là bổ ích cho những ai đọc nó. Xin được trân trọng giới thiệu.

TƯỞNG NHỚ ANH TRẦN TỬ BÌNH

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tôi mới gặp rồi cùng làm việc với anh Trần Tử Bình trong Quân ủy và Bộ Tổng chỉ huy, nhưng từ đầu những năm 30 của thế kỷ hai mươi, tôi đã được nghe nói về cuộc đấu tranh oanh liệt của 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng ở Nam Bộ mà anh là người lãnh đạo, trên cương vị Bí thư chi bộ Đảng, góp phần làm nên một "Phú Riềng Đỏ" trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam thời Pháp thuộc.

Trải qua nhiều cương vị lãnh đạo, từ Bí thư Huyện ủy, Tỉnh ủy, đến Ủy viên rồi Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ; sau ba lần bị bắt và tù đày, tháng 3 năm 1945, anh vượt ngục về xây dựng Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh rồi tham gia lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa ở Thủ đô và một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Tháng 9 năm 1945, anh được Đảng cử vào quân đội,

phụ trách Trường Cán bộ quân sự đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời. Đầu năm 1947, anh là Phó bí thư Quân ủy kiêm Phó tổng Thanh tra quân đội. Trên cương vị đó, thu đông năm ấy khi giặc Pháp mở cuộc tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não của ta, anh được phân công cùng anh Lê Thiết Hùng chỉ huy Mặt trận Đường số 2 - Sông Lô. Hai anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cùng quân và dân Khu X bẻ gẫy một trong hai gọng kìm quan trọng của quân đội Pháp, lập nên chiến công Sông Lô oanh liệt.

Sau chiến thắng Việt Bắc, anh là một trong số ít cán bộ cao cấp đầu tiên của quân đội được Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh phong quân hàm Thiếu tướng vào đầu năm 1948.

Từ năm 1950 đến 1955, là Chính ủy Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam, anh đã góp sức đào tạo hàng ngàn cán bộ để xây dựng và phát triển các đại đoàn chủ lực, mở các chiến dịch tiến công quy mô ngày càng lớn, giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Năm 1956 - 1957, anh tham gia công tác sửa chữa sai lầm của Đảng trong cải cách ruộng đất. Với uy tín và kinh nghiệm của mình, anh đã góp phần minh oan cho nhiều đảng viên, cán bộ và cơ sở cách mạng ở nhiều địa phương, khôi phục niềm tin của đảng viên và nhân dân đối với Đảng.

Tháng 9 năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ III của Đảng, anh được bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương. Từ năm 1959 cho đến khi lâm bệnh qua đời (1967), là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước ta tại Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, anh đã tích cực góp phần thắt chặt tình hữu nghị giữa Đảng, Chính phủ, Quân đội và nhân dân hai nước.

* * *

Xuất thân là cố nông, bản thân là công nhân, anh Trần Tử Bình thuộc lớp người cùng khổ trong xã hội thực dân, phong kiến nên đã sớm giác ngộ cách mạng và trở thành một cán bộ rất mực trung kiên của Đảng.

Là Phó bí thư Quân ủy từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, anh đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Qua nhiều năm phụ trách công tác nhà trường, anh đã cùng tập thể ban giám hiệu và đội ngũ giáo viên đào tạo nhiều thế hệ cán bộ có đức, có tài, làm nòng cốt cho sự nghiệp xây dựng và chiến đấu thắng lợi của Quân đội Nhân dân.

Anh là một đảng viên có phẩm chất trong sáng, từng nêu cao khí tiết của người Cộng sản trong ngục tù đế quốc, thấm nhuần đạo đức cách mạng "Cần - Kiệm - Liêm - Chính, Chí công - Vô tư" của Hồ Chủ tịch,

trung thực tận tụy, đoàn kết chân thành, hết lòng thương yêu đồng chí đồng đội, luôn được cán bộ, chiến sĩ tin yêu. Anh là tấm gương sáng cho các thế hệ hiện nay và mai sau học tập.

Tôi mãi mãi giữ những kỷ niệm và ấn tượng tốt đẹp về anh !

Tháng 8 năm 2004

THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

Hồ Chủ tịch và Chính phủ gặp gỡ các tướng lĩnh trong đợt phong quân hàm năm 1958.
(Thiếu tướng Trần Tử Bình đứng thứ 2, hàng 2 từ trái qua)

Lễ đón Hồ Chủ tịch sang dự kỷ niệm 10 năm Quốc khánh Trung Quốc 1-10-1959 tại sân bay Bắc Kinh.

Đón Bác Hồ đi dự Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô về qua Bắc Kinh, tháng 12-1960.

Tháp tùng Bác Hồ đến thăm Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt-Trung Trần Huy Liệu đang công tác tại Bắc Kinh, ngày 16-5-1965.

Cùng đồng chí Lê Tư Vinh tiếp Bác Hồ tại vườn hoa Sứ quán năm 1965

Bác Hồ đến thăm Sứ quán, tháng 5-1965.

Bác Hồ và con em cán bộ Sứ quán, năm 1965.

PHẦN I

Ký ức đấu tranh

ĐC: 428
THƯ VIỆN
TỈNH HÀ NAM

PHÚ RIỀNG ĐỎ[1]

Thiếu tướng Trần Tử Bình kể

Ngã ba đường

Cuối năm 1926, tôi bị đuổi khỏi Trường dòng La-tinh Hoàng Nguyên. Cha mẹ tôi nghe tin rất buồn. Quê nội tôi ở Tiêu Động (huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam), vốn là làng công giáo toàn tòng. Do đó cũng dễ hiểu tại sao cha mẹ tôi tức giận khi nghe tin con trai bị đuổi ra khỏi Chủng viện vì "làm loạn". Mà tội làm loạn là tội gì vậy ? Chẳng nhẽ cùng anh em trong Chủng viện tham gia đấu tranh để bảo vệ danh dự của con người mà là làm loạn sao ? Sự thật là thế này:

Mùa hè năm trước được nghỉ, tôi đi Nam Định và Hà Nội chơi. Nhân chuyến đi này, tôi được bà con đưa *tân thư*[2]

---

[1] *Hồi ký được NXB Lao Động xuất bản năm 1965, tái bản 1971 và Đại học Ô-hai-ô, Mỹ (Ohio University) tái bản với tựa đề "THE RED EARTH", năm 1985.*

[2] *Hồi ấy,* tân thư *gọi chung cho các loại sách báo tiến bộ có nội dung dân chủ kiểu phương Tây của Lương Khải Siêu (Trung Quốc), Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục... (Chú thích của người ghi).*

cho mà đọc. Đọc rồi vỡ nhẽ rất nhiều. Sau đó tôi lại được cùng đồng bào rầm rộ đấu tranh đòi đế quốc phải thả cụ Phan Bội Châu. Hết hè trở lại Chủng viện, tôi thấy Chủng viện cũng chuyển mình. Tiếng dội của phong trào yêu nước đang tràn vào Trường dòng Hoàng Nguyên. Mầm mống cách mạng ấy gặp được một miếng đất tốt. Đó là cuộc sống ngột ngạt, đọa đày, bị khinh rẻ của chúng tôi trong Chủng viện.

Lúc bấy giờ, người cầm đầu Chủng viện Hoàng Nguyên là cố Quý, một cố đạo người Ca-na-da. Cố Quý sống thế này nhưng nói thế khác. Ông ta ăn ở như một tên vua con. Bữa cơm cá thịt ê hề đầy một bàn, ăn không hết. Đêm đêm không có đàn bà thì ông ta không ngủ nổi. Ấy thế mà khi cố Quý đứng làm lễ nom nghiêm trang lạ thường. Sau lưng ông ta đèn nến sáng choang, cố Quý cao lớn đường bệ, cầm bánh thánh, rượu lễ giơ lên:

- Này là mình Tao...
- Này là máu Tao....

Bên dưới, bọn chúng tôi phải gằm đầu lầm rầm đọc kinh hết sức kính cẩn.

Tôi vốn tò mò, bướng bỉnh, bất cứ chuyện gì cũng phải cầm được tận tay, xem được tận mắt rồi mới tin. Nghe cố Quý nói, tôi ngờ lắm. Tôi tìm cách xem bánh thánh, rượu lễ của cố Quý kỳ lạ, quý giá đến đâu? Rình hôm cố Quý đi vắng, tôi lấy trộm chìa khóa nhà chầu, lẻn vào, mở hòm đựng bánh, rượu. Tôi thấy bánh, rượu cũng chẳng khác gì bánh rượu thường. Tôi ăn thử, uống thử,

cũng chẳng thấy khác quái gì. Thì ra cố Quý chỉ lòe người. Từ đó, tôi chén bánh thánh cho kỳ no. Bởi vì trong Chủng viện, chúng tôi ăn uống rất kham khổ, mỗi bữa cơm chỉ có một đĩa rau muống già, cơm độn hai phần ngô, một phần gạo hẩm, cá thịt thì hiếm như vàng.

Từ cái chuyện bánh thánh, rượu lễ ấy, tôi đâm ngờ các chuyện khác. Tôi để ý rình nên biết được lắm cái hay. Hồi ấy, bà con công giáo trong vùng thường được cố Quý ban nước phép về để trừ tà ma. Nước phép ấy chỉ là nước lã múc ngoài giếng rồi cố Quý trộn ít muối ăn cho có vị là lạ. Nhưng muốn được cố Quý cho thứ nước phép ấy, đồng bào phải có tiền, có vật lễ lạt mới được y ban cho mỗi người một chai nhỏ xíu bằng chai dầu Nhị Thiên Đường.

Thế là một chuyện. Còn việc học tập của chúng tôi cũng đáng chú ý. Sách vở toàn loại làm cho người ta sợ phát khiếp. Trong số sách ấy, tôi còn nhớ có cuốn "Chết rồi đi đâu ?". Sách dẫn toàn chuyện kinh khủng: Nào hỏa ngục, nào ma quỷ, nào gông xiềng, nào cảnh nóng đến sắp chết khát mà không bao giờ được uống... Đúng là loại sách không làm cho người ta tin Chúa mà chỉ sợ bị Chúa trừng phạt. Kết quả là khi đã không tin được ở các loại sách vở, học hành thì phải tìm niềm tin của mình ở hướng khác.

Tôi là một trong số những người không tin lời cố Quý và những sách vở lưu hành tại Chủng viện Hoàng Nguyên. Tôi phải tìm con đường của tôi. Vậy mà buộc tội tôi thì thật quá đáng!

Đấy là nói về niềm tin. Còn về lòng yêu nước của những thanh niên như chúng tôi thì cố Quý xúc phạm rất nặng nề. Cố Quý có thái độ đáng ghét lạ thường. Y có biệt tài chửi đủ các giọng, thôi thì từ thô tục đến kín đáo, từ phũ phàng đến sâu cay. Y chửi chúng tôi như tát nước vào mặt suốt cả ngày. Nào: "Người An-nam ngu ! Người An-nam dốt !", nào "Người An-nam lười, người An-nam hay ăn cắp !". Thật nhục nhã. Chúng tôi giận tím ruột, tím gan.

Nhưng hễ có một ai trong số chúng tôi dám lên tiếng phản đối thì cố Quý thẳng tay đuổi khỏi trường. Thế lực của y rất mạnh. Y lên huyện, lên tỉnh, vào dinh chánh sứ, vào dinh tổng đốc xoành xoạch. Y gặp bọn quan lại Tây và Nam triều cả lúc đêm hôm khuya khoắt. Mãi sau này, khi hoạt động cách mạng đã có kinh nghiệm tôi mới rõ hành động của cố Quý lúc ấy đúng là hành động của một tên gián điệp đội lốt thầy tu.

Vào năm 1926, trong nước có phong trào đấu tranh rầm rộ với thực dân Pháp, đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan là một nhà ái quốc lão thành chân chính. Cụ khởi xướng ra phong trào Đông Du, khuyến khích thanh niên xuất dương ra nước ngoài học những nghề hay, tài lạ, có thể ích quốc lợi dân.

Bọn chúng tôi rất thích nghe chuyện các bậc đàn anh trốn sang Tàu, sang Nhật. Họ được theo học tại các trường nổi tiếng: Nào là Võ bị quân quan học hiệu Nhật; nào là trường lục quân, nào trường công binh, trường kỹ thuật; rồi thì nay Hoàng Phố, Thiên Tân, mai Đông Kinh,

Vũ Hán. Nghe cứ mê cả người. Dân ta vốn dĩ hiếu học xưa nay, lại thêm thù nhà nợ nước nung nấu, thôi thúc, nên thanh niên ta nghe lời cụ Phan Bội Châu ra nước ngoài rất nhiều. Mà ở đâu học cũng toàn ngồi ghế nhất, ghế nhì, cử chỉ phong thái đĩnh đạc, chẳng ai dám coi họ là "vong quốc nô".

Những chuyện đó lan truyền từ miệng người này sang tai người khác rồi đến với chúng tôi, kích thích lòng yêu nước, khơi gợi tự hào dân tộc, khiến cho ai nấy đều ôm ấp mộng xuất dương, học thành tài về giúp nước.

Bọn đế quốc rất sợ chuyện đó. Chúng bèn tư thông với bọn quân phiệt Tàu, lừa bắt được cụ Phan trong tô giới Pháp, đưa về nước. Chúng âm mưu đưa cụ ra tòa để khép tội nặng mà xử tử. Chúng cũng định họp phiên tòa kín xử cụ Phan, nhưng dân ta lại dò được tin ấy. Lập tức suốt từ Nam chí Bắc, thư xin ân xá, kiến nghị đòi thả gửi cho Toàn quyền, Thống sứ Tây như bươm bướm. Bọn chúng buộc phải đưa ra xử công khai và an trí cụ Phan ở Huế.

Trong khi đó, ở Chủng viện, cố Quý dò xét chúng tôi rất dữ. Y để ý đến những người xưa nay bướng bỉnh, không nghe lời. Trong số bị tình nghi có tôi. Tại Hoàng Nguyên, tôi học đã không chăm chỉ lại hay tập gậy. Cứ chiều mát, đêm trăng, tôi rủ vài người cùng chí hướng ra sân sau Chủng viện tập gậy. Cố Quý muốn cấm cũng không có lý để cấm. Chúng tôi chỉ tập thể thao chứ có gì mà cấm ? Nhưng trong thâm tâm tôi nghĩ tập võ nghệ để sau này giúp nước như ông Đề Thám, cụ Phan Đình

Phùng. Tôi được nghe, được đọc những chuyện về tài võ nghệ của các tướng dưới quyền ông Đề, cụ Phan... Những câu chuyện như thế kích thích tâm trí thanh niên chúng tôi rất mạnh. Ngoài ra, tôi nghĩ tập võ còn có thể giữ mình khi xông pha xuất dương, một thân nơi đất khách quê người. Tôi cứ tập, cố Quý cứ rình. Y ghi tên tôi vào sổ đen, chờ dịp trị tội.

Còn cái thói quen chửi bới của y mỗi ngày mỗi tăng. Anh em học sinh trong Chủng viện rất tức. Ai nấy đều chán đời sống ở Chủng viện Hoàng Nguyên.

Mấy tháng sau, trong nước lại có một phong trào đấu tranh mới.

Vào một buổi tối, Hoàng Nguyên nhận được tin cụ Phan Chu Trinh chết. Cụ là người đã viết thư cho tên vua Khải Định kể những tội phản quốc của y, khi tên vua bù nhìn này sang dự đấu xảo bên Pháp. Cụ cũng đã từ chức để đi nước ngoài học hỏi cái lạ, cái hay đem về giúp nước.

Ta không bàn ở đây xem cái sai cái đúng của cụ. Chỉ biết rằng cụ là một người yêu nước nên khi nghe tin cụ từ trần, nhân dân ta vô cùng thương tiếc. Khắp nơi đâu đâu cũng họp nhau làm lễ để tang cụ. Chỉ thoáng chốc tin lan từ thành phố này đến tỉnh lỵ khác, rồi khắp cả nước thành một phong trào để tang cụ Phan. Tình yêu quê hương đất nước luôn được nuôi dưỡng âm ỉ trong lòng dân; hễ gặp thời cơ thuận tiện là bùng lên, lan rộng khắp nơi. Vì vậy, nhiều người tuy không tán thành

đường lối của cụ Phan Chu Trinh, nhưng họ cũng tham gia đấu tranh để thỏa lòng yêu nước đang phải nén lại lúc bấy giờ.

Tại Trường dòng Hoàng Nguyên, chúng tôi cũng để tang cụ Phan. Tôi là người khởi xướng và cầm đầu vụ này. Tất nhiên cố Quý không đồng ý. Hôm ấy, anh em tụ tập ở sân Chủng viện, người nào cũng mang băng tang đen trên mũ hoặc cánh tay. Cố Quý đã có lệnh cấm mà không được. Y giận tím mặt, bước ra thềm, gọi chúng tôi lại gần và hầm hầm bảo:

- Người An-nam kém văn minh. Người An-nam ngu dốt, vô ơn, không biết nghe lời những người nuôi dạy mình.

Tôi bước ra, đứng ngay trước hàng người, nói lại:

- Thưa cha, chúng con nghe cha dạy: ai ai cũng là con của Chúa. Thế mà cha cứ rủa dân An-nam ngu, dốt, vô ơn. Chúng con nghĩ rằng người An-nam ngu, người An-nam dốt nhưng họ làm ra lúa ra gạo nuôi sống người ta. Cha cũng vẫn ăn lúa gạo ấy. Chửi mắng thế hóa ra ăn quả không nhớ kẻ trồng cây ? Còn chúng con để tang một người danh tiếng trong nước, như thế chẳng lẽ cũng là ngu dốt, vô ơn sao ?

Chung quanh tôi, anh em nhao nhao ủng hộ. Cố Quý vừa giận vừa ngượng tái mặt, bỏ về ngay. Ba ngày sau, y lấy quyền cầm đầu Chủng viện đuổi ba học trò mà không nêu một lý do gì. Ba người này, y chọn trong số thường ngày vẫn tỏ ra "cứng đầu cứng cổ" không chịu nghe theo lời. Tất nhiên tôi là người đầu tiên được y chấm.

Đấy, tội "làm loạn" của tôi như thế đó !

Thế là tôi rời Hoàng Nguyên. Tưởng suốt đời thoát được cái nợ gặp gỡ hàng ngày với cố Quý. Nào ngờ, đến năm 1944, tôi lại chạm trán cố Quý. Cứ y như hai dòng nước chảy ngược ắt phải gặp nhau. Bấy giờ vị thế của hai bên đã khác hẳn. Cố Quý vẫn là cố Quý. Y giữ nhiệm vụ rửa tội, ban phép cho tù nhân trong Hỏa Lò Hà Nội. (Nhưng kỳ thực để điều tra tin tức cho Sở Mật thám). Còn tôi thì đang bị giam, nhưng không còn là một thanh niên mới lớn, ngây thơ nữa. Tôi đã được Đảng, được cách mạng rèn luyện thành một người có kinh nghiệm đấu tranh.

Gặp cố Quý, tôi nhận ra y nhưng y không nhận ra tôi. Biết rõ đời tư của y tôi bảo với các đồng chí cùng bị giam: "Các cậu muốn cười một mẻ không ?". Mọi người tán thành. Tên mật thám khoác áo thầy tu này không lúc nào bỏ lỡ việc tuyên truyền, giới thiệu các món "thuốc tinh thần" của hắn. Y hỏi tôi có cần xem sách báo gì không ? Tôi đáp: "Rất cần, càng nhiều càng tốt". Y đưa cho tôi mượn một chồng sách đạo. Tôi nhận tất vì có thể dùng những phần giấy trắng vào việc biên soạn tài liệu bí mật trong tù. Cố Quý giả nhân giả nghĩa hỏi tôi:

- Con làm sao mà phải mặc áo tù ? Con phạm tội gì thế ?

Tôi đáp:

- Con chả có tội gì cả. Còn cha, sao cha lại mặc áo dài ?

Nghe tôi hỏi, anh em tù ở cùng buồng phá ra cười. Nguyên do là có một chuyện tiếu lâm về cái áo dài đó. Cố Quý đực mặt ra. Tôi lại hỏi thêm:

- Thế hôm nay cha có củ hành củ tỏi gì mang theo không ?

Anh em lại phá lên cười trong khi cố Quý không hiểu mô tê gì cả. Thường ngày cố Quý vẫn đem hành tỏi, bánh vào để mua chuộc tù. Tôi hỏi, y không ngờ tôi lại dùng những điều mà y đã dạy ở Trường dòng Hoàng Nguyên ngày nào để đem ra đập lại y. Chẳng là bên đạo có nhiều điều răn. Điều răn thứ tám là "*Không nên nói lời hành tỏi*", có nghĩa đừng dò la, bày đặt chuyện cho người khác.

Tôi hỏi cố Quý:

- Cha có biết tại sao chúa Giê-su lại bị đóng đinh trên thập tự không ?

Cố Quý đáp:

- Chúa Giê-su chuộc tội thiên hạ.

Tôi cười:

- Không phải. Chúa Giê-su vận động dân Do Thái nổi lên làm cách mạng, đánh đổ đế quốc La Mã và bọn tay sai Ê-rốt. Người bị thất bại, chúng bắt được nên chúng xử tử đấy thôi.

Thế là cố Quý lảng mất vì sợ tôi cứ đem sự thật ra hỏi. Hôm ấy, anh em ở Hỏa Lò được một bữa cười nôn ruột.

Chuyện sau này thì như thế, chứ lúc bấy giờ cố Quý đuổi thẳng thừng bọn tôi ra khỏi Trường dòng Hoàng Nguyên.

Quê tôi biết tin tôi bị đuổi học. Mẹ tôi phiền muộn và thất vọng. Ở một làng công giáo toàn tòng, gia đình nào

có con em bị đuổi khỏi Chủng viện, bị đuổi khỏi nhà thờ vì lý do "*làm loạn trái ý Chúa*" thì rất khó sống. Họ hàng bà con nói ra nói vào. Thôi thì chả thiếu lời cay tiếng độc, nói cạnh nói khoé, chửi kẻ "*vô đạo*". Với một người đàn bà ít học, lại theo đạo từ nhỏ, sự phiền muộn của mẹ tôi là lẽ tự nhiên.

Đã thế, mẹ tôi lại còn thất vọng vì tôi. Quê tôi vốn là vùng đồng trũng, nghèo xác xơ, công điền ít ỏi, bình quân mỗi xuất đinh hai sào rưỡi[1]. Có tí bờ xôi, ruộng mật nào là vào tay kỳ hào, lý dịch hết cả. Dân nghèo chỉ được những mảnh chiêm khê, mùa úng, làm cả năm chả đủ tiền nộp thuế. Ai chẳng mong mỏi con em ăn nên làm ra để đỡ túng thiếu. Nhà tôi lại nghèo vào loại nhất làng. Cha tôi sống bằng nghề gắp phân, bán cho các nhà có ruộng. Suốt ngày, đôi sảo trên vai, cái gắp trong tay, ông cụ lang thang khắp vùng lân cận đến tối mịt mới về nhà. Vất vả như vậy nhưng chẳng kiếm đủ nuôi thân, nói gì đến việc nuôi ba anh em tôi.

Ngay đến những ngày trước Cách mạng tháng Tám, cha tôi vẫn còn phải đóng khố. Cơm chẳng đủ ăn thì làm sao lo được sự học hành của anh em tôi. Ấy thế mà cha mẹ tôi vẫn cố sống cố chết cho tôi đi học.

Hồi còn bé, bên cạnh nhà tôi có một ông đồ tên là Lê Hữu Niên dạy trẻ học a, b, c. Tôi ham học, thường ngày

[1] *Một sào Bắc Bộ rộng 360m².*

ngồi nghe trộm ở ngoài thềm. Trong nhà, cụ đồ dạy chữ nào, bên ngoài tôi dùng gạch non viết chữ ấy lên thềm. Chờ mãi một năm sau, mẹ tôi mới kiếm được ít tiền, xin cho tôi được vào học. Bốn tháng sau tôi đã đọc và viết được. Tiền mẹ kiếm được chỉ đủ trả tiền học, còn tiền mua giấy bút tôi phải xoay lấy. Cứ sáng tôi đi học, chiều đem giỏ bắt cua mang bán ở chợ. Ngoài ra, tôi còn phải chăn trâu lúc tháng năm ngày mùa cho thầy học, rồi phải cắt cỏ, bế em cho thầy. Lo cho tôi học hành quả thật mẹ tôi rất cực.

Vì thế, việc học tại Trường dòng Hoàng Nguyên của tôi được mẹ tôi đặt nhiều kỳ vọng: Trước hết là đỡ được một miệng ăn cho gia đình, sau nữa hy vọng con đỗ đạt có chức trong đạo, kiếm tiền cho cha mẹ. Thình lình nghe tin tôi bị đuổi học thì thử hỏi lòng mẹ ra sao ? Bà cụ gầm thét, chửi mắng tôi. Bây giờ nghĩ đến, tôi vẫn còn thương cụ.

Riêng tôi, việc bị đuổi khỏi Chủng viện Hoàng Nguyên không làm tôi buồn phiền thất vọng. Giáo lý mất dần giá trị trong niềm tin ngay từ hồi tôi còn nhỏ. Lúc bảy tám tuổi, còn ở làng, tôi phải học kinh. Người dạy là ông giáo Trung đánh đòn như két. Tôi hay nghịch nên giáo Trung rất ghét, y đánh tôi luôn tay. Có một lần, y dùng roi cứng đánh rất đau. Tôi phẫn uất quá, văng tục chửi lại và bỏ đạo đến nửa năm. Giáo Trung cho trẻ con vây bắt tôi, định trói đem về bắt nhịn cơm, đánh đòn. Tôi vác dao rượt bầy trẻ chạy tán loạn. Sau, cụ đạo phải gọi mẹ tôi

đến buộc phải dụ dỗ tôi trở lại. Lại một lần, mẹ tôi xin cho tôi học ở nhà xứ Trung Hiếu. Lúc đó học ở nhà xứ thì làm lụng là chủ yếu. Ngoài việc học kinh giúp lễ, bưng nến bưng sáp ra, tôi còn phải làm cơm, gánh nước, giặt quần giặt áo, đầu tắt mặt tối suốt ngày. Học thì học sách đạo bằng chữ Nôm và chữ La-tinh.

Ở nhà xứ Trung Hiếu có thầy già Sân là quản gia giữ tất cả tay hòm chìa khóa. Y học kinh rất giỏi, cứ làu làu không một chút ngắc ngứ; rượu cũng rất giỏi, tối tối y uống một mình hết bình nọ đến bình kia. Chuyện gái, Sân cũng rất tài; nhà xứ giao cho y coi việc thuê mướn thợ cấy, cắt cỏ, làm ruộng cho nhà xứ. Y thuê ngày, còn đến đêm lại gạ gẫm ngủ bậy bạ. Y đánh chúng tôi cũng ra phết. Ngủ gật, đòn. Không thuộc bài, đòn. Làm chậm trễ, đòn. Dường như y nghiện đánh chúng tôi, có lỗi cũng đòn mà không lỗi cũng đòn. Y bắt chúng tôi chổng mông, trật quần, dùng roi phết rất chính xác. Đánh xong, y còn bắt ăn cơm muối, ngủ đất.

Cảnh sống của những lớp người trong nhà xứ Trung Hiếu cách biệt rõ rệt. Nhờ tiền xin lễ của cả xứ (gồm sáu họ đạo từ Ao Cá, Ao Cách, đến Kẽm Trống, Sở Kiện), nhờ tô tức của đồng bào nhận ruộng rẽ, nhờ tiền chạy kiện (cha chánh xứ thường giao dịch với phủ, huyện, tòa sứ tỉnh, nói cho những người đang có kiện tụng để lấy tiền) nên đời sống rất cao. Cụ đạo ngày cơm ba bữa, bữa nào cũng chim hầm, cá rán, gà quay... một bàn đầy ụ. Còn chúng tôi thì chỉ có cơm độn ngô mọt với rau muống tứ

thời. Mà nào việc học có đem lại một chút hy vọng gì, nếu không lên nổi thì suốt đời làm thầy già với ngày hai bữa cơm suông, tối manh chiếu đắp, một năm được cấp hai bộ quần áo vải thô. Sống âm thầm heo hút, khi ốm đau chẳng có ai săn sóc. Tôi nhớ ngày ấy có một ông thầy già ốm mười hai ngày liền rồi chết luôn trong xó buồng tối. Thế mà người ta không biết hay cố tình không biết, cứ chiếu lệ ngày hai bát cơm mang tới. Hai mươi bốn bát xếp thành dãy ở chân tường. Thật là thê thảm, đau xót. Thật không phải kiếp người !

Tất cả những điều "mục kích" ở Tiêu Động, ở Trung Hiếu, ở Hoàng Nguyên làm cho tôi hết tin tưởng ở sự công bằng trong giáo lý. Vì thế, bước ra khỏi cổng Trường dòng Hoàng Nguyên, tôi tịnh không có chút buồn phiền và thất vọng nào.

Nhưng ra khỏi Trường dòng Hoàng Nguyên, quả thật tôi bỡ ngỡ giữa ngã ba đường... Sự lựa chọn chính xác ngả mình phải theo là tối quan trọng ! Nó sẽ dẫn tôi đến chỗ trở thành một người hữu dụng cho xã hội, hay đưa tôi đến chỗ bế tắc, sống thừa chết uổng.

Chọn được đường thật khó, chẳng phải chốc lát thấy ngay. Trong lúc chưa biết đi đâu, tôi đành tạm thời kiếm đất dung thân. Về nhà thì nhà nghèo không có cách sống mà có muốn về cũng không được. Họ hàng, làng xóm, cha mẹ sẽ không để tôi yên. Trong tay tôi không một chút nghề nghiệp, trong óc chỉ một dúm chữ Nôm và La-tinh. "Đi đâu bây giờ đây ?", "Sống bằng gì bây giờ

đây ?", "Sống bằng cách nào bây giờ đây ?". Mấy câu hỏi cứ quay cuồng trong đầu tôi.

Cuối cùng tôi đành về Vĩnh Trị, xin vào nhà xứ ở với cụ Phổ. Vĩnh Trị là nơi tôi đã từng sống để theo học tiếng La-tinh. Cụ Phổ là người Việt. Do sự phân biệt đối xử giữa cố Tây và cố ta nên cụ Phổ bất mãn chửi Tây luôn mồm.

Chính cũng do cách đối xử này, ngay từ năm 1919, một phong trào chống linh mục người nước ngoài đã nổi lên trong Giáo hội Việt Nam, đòi quyền bình đẳng giữa cố đạo Tây và cố đạo ta. Cụ Phổ nằm trong số người có tư tưởng như vậy.

Ở Vĩnh Trị, cụ Phổ cho tôi đi dạy kinh, tôi nhận làm để kiếm sống. Dạy kinh thì một năm được hai bộ quần áo, một tháng được 60 bát gạo, hai chai tương và mấy hào làm tiền mua rau, tiêu vặt. Cuộc sống của tôi cứ như vậy, tha thẩn hết làng này sang làng khác. Lê thê, bế tắc. Hàng ngày phải dạy những bài kinh đối với tôi không còn sức hấp dẫn. Bạn bè quen thuộc của tôi chỉ có đôi ba người, trong số đó có một người làm nghề hương sư ở Vĩnh Trị. Không ngờ chính ở đây, tôi tìm thấy đường sống cho mình.

Anh hương sư Vĩnh Trị có nhiều sách báo mới. Mỗi lần đến thăm, tôi thường mượn về đọc. Thuở ấy những hương sư được coi là người có học, đọc sách báo nhiều. Tôi thích tìm đến họ để giao thiệp. Việc này tôi phải làm giấu vì bên đạo cấm tiệt chuyện giao du với những người đọc sách tân thư.

Hương sư Vĩnh Trị tâm sự với tôi nhiều về đời sống khổ cực của đồng bào Vĩnh Trị. Trên vùng quê nghèo xơ xác, bà con chuyên sống bằng nghề làm ảnh và làm tràng hạt cho nhà chung. Còn tôi, tôi cũng nói ra những nỗi niềm riêng của mình. Gặp một người cùng yêu nước, để có thể thổ lộ những ý nghĩ phải giấu kín từ đáy lòng, thật đáng quý. Tôi kể cho anh nghe về đời sống trong Trường dòng La-tinh, về những điều thu nhận ở đó. Kinh kệ thì thuộc làu làu, nhưng thật không còn rung động tâm trí tôi. Những chuyện tôi thích và tích tụ trong lòng tôi khi nghe giảng ở trường lại là những sự tích lịch sử của những anh hùng thời cổ. Nào là truyền thuyết Do Thái năm thứ 1000 trước công nguyên, vị vua trẻ Đa-vít[1] dám đứng ra vì nhân dân, đương đầu với tướng giặc khổng lồ Gô-li-át[2]. Tôi thích hình ảnh chú bé dũng cảm dùng bẫy bắn đá, dám đánh và thắng được Gô-li-át. Nào là chuyện nữ anh hùng Gian-đa[3], cô gái chăn chiên người Pháp, dẫn đầu nhân dân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Lúc bị giặc bắt, nữ anh hùng bị chúng đốt chết trên giàn lửa. Ngoài ra, những gương dũng cảm tôi đọc một cách vụng trộm trong các tân thư. Người làm tôi kính phục nhất là ông Đề

---

[1] *David.*

[2] *Goliath.*

[3] *Jeanne d'Arc - Nữ anh hùng dân tộc Pháp, sinh năm 1412, đứng lên kêu gọi nhân dân khởi nghĩa chống lại quân xâm lược Anh. Về sau bà bị bọn phản động bắt nộp cho giặc và bị chúng thiêu chết.*

Thám, con *Hùm Yên Thế*, chống Tây mấy chục năm trường, đến chết cũng không chịu khuất phục.

Những tâm sự của tôi được anh hương sư Vĩnh Trị nói lại với một người, người này sẽ vạch cho tôi hướng đi đúng. Tôi rất xúc động mỗi khi nghĩ đến. Đó là anh Tống Văn Trân. Tôi được gặp anh Trân hai lần ở ngoài Bắc, hai lần gặp làm tôi nhớ suốt đời.

Vào khoảng tháng 5 năm 1927, tôi dạy kinh trong huyện Phong Doanh (nay là huyện Ý Yên, Nam Định). Một buổi trưa tháng tư, trời nắng chang chang, tôi đi trên đê đến một làng dạy kinh. Cánh đồng hai bên đường lúa chiêm chín vàng. Cảnh đẹp thế nhưng tôi chỉ âm thầm nghĩ về cảnh ngộ bế tắc của mình. Bỗng từ đằng xa thấy một người đạp xe lại ngược chiều. Người đó mặc áo trắng, đội mũ cát trắng, đi giầy ba-ta. Đến gần tôi, anh xuống xe và chào trước. Chưa từng gặp lần nào nhưng người đó có dáng bộ đặc biệt khiến tôi phải chú ý. Anh có cặp mắt sáng long lanh, người dong dỏng cao. Đầu anh to, hàm răng hơi hô. Trán anh rộng và giô, vừa bướng bỉnh vừa kiên quyết. Lúc anh nói, tiếng nghe oang oang, cởi mở vô cùng. Đối với tôi, anh có vẻ anh hùng hảo hán. Anh tự giới thiệu rồi nói:

- Nghe nói nhiều đến ông, tôi muốn tìm gặp nói chuyện cho vui.

Thế là hai chúng tôi đi bên nhau trên đê, dọc theo con sông Vĩnh Trị, tâm sự hàng giờ đồng hồ. Anh Trân hỏi tôi:

- Thế bây giờ, ông sinh sống thế nào?

Chẳng hiểu tại sao mới qua ít phút trao đổi mà tôi mến anh, tin anh ngay. Tôi thổ lộ hết nỗi buồn niềm vui với anh. Anh lại hỏi tôi:

- Thế ông nghĩ về tương lai, về đất nước thế nào?

Tôi kể hết sự bế tắc chưa có hướng đi. Anh Trân bèn nói với tôi về Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Nghe chuyện anh, tôi linh cảm đã được gặp một người thế nào ! Anh lại còn nói về "hội kín". Hội kín tôi đã từng nghe từ năm 1925, 1926. Những người cầm đầu Chủng viện Hoàng Nguyên, như cố Quý, gọi hội ấy là "hội thờ bò" (?). Vậy mà hôm ấy, anh Trân nói tới "hội kín" rất phù hợp với lòng khát khao tìm hiểu một con đường cứu nước của tôi. Vì vậy, tôi nghe rất say mê.

Sau hàng giờ tâm sự dọc đê, anh Trân cáo từ và hẹn tôi đến gặp anh ở nhà riêng. Trước khi từ biệt, anh còn dặn tôi giữ kín không cho ai biết hai người đã gặp nhau. Anh nói thêm một câu thay lời chào tạm biệt:

- Thanh niên ta phải biết đồng tâm cứu nước!

Gặp anh Trân, tôi đã tìm thấy con đường cho mình. Lúc đó, tôi nghĩ rằng anh Trân chắc có chân trong "hội kín". Theo anh, tôi sẽ tìm được con đường cứu nước. Tôi sẽ được xuất dương học hỏi rồi về giúp nước. Và tôi chỉ thắc mắc có một điều là tại sao anh lại biết đến tôi. Mãi sau tôi mới rõ người giới thiệu tôi với anh Trân chính là hương sư Vĩnh Trị.

Sau buổi gặp anh Trân, đêm hôm ấy, tôi thao thức trắng đêm. Tôi khao khát được gặp lại anh, nghe anh nói

chuyện. Rất đúng hẹn tôi có mặt tại nhà anh ở một làng không xa. Đây là lần gặp thứ hai.

Lần này, anh Trân nói cho tôi nghe nhiều điều về một nước xa xôi mà ở đấy công nhân, nông dân làm cách mạng, cướp chính quyền rồi tự mình làm chủ vận mệnh của mình. Đó là Liên bang Xô viết. Anh cho tôi biết anh là hội viên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Anh khuyên tôi gắng sức học hỏi rồi sẽ được gia nhập, làm hội viên.

Tôi ngỏ ý muốn được xuất dương. Anh Trân đáp:

- Đi Nam Kỳ thì dễ xuất dương. Nhưng xuất dương cũng là để cứu nước, để làm cách mạng. Còn muốn làm cách mạng đánh đổ Tây thì phải dựa vào công nhân, nông dân trong nước. Muốn giành được độc lập dân tộc thì phải đánh đổ đế quốc. Muốn giành ruộng đất cho dân cày nghèo thì phải đánh đổ phong kiến, địa chủ.

Anh lại khuyên:

- Muốn được công nông tin cậy để cùng nhau làm cách mạng thì phải công nhân hóa.

Tôi bỡ ngỡ hỏi:

- Công nhân hóa là thế nào ?

Anh Trân giảng giải:

- Phải lăn lộn vào những nơi có công nhân như bến tầu, nhà máy, đồn điền cao su. Của cải trên đời này do hai bàn tay họ làm ra cả, họ sẽ làm chủ vận mệnh nhân loại. Phải lăn vào sống với họ, vận động và học tập họ để cùng nhau làm cách mạng mới thành công được.

Hai lần gặp gỡ anh Trân trong vài giờ đồng hồ nhưng đã gỡ cho tôi nút rối hàng năm trời mà không tìm cách gỡ nổi. Không may cho tôi, sau đó anh Trân phải rời Vĩnh Trị đi Hải Phòng, không kịp từ biệt. Anh đến thình lình, anh đi cũng thình lình để lại bao nỗi nhớ tiếc trong lòng, làm tôi bỡ ngỡ thiếu người đưa đường chỉ lối.

(Sau này, có hai lần tôi gặp lại anh Trân, đó là lần gặp anh ở Hải Phòng và lần trên tầu ra Côn Đảo. Lần ra Côn Đảo tôi đã là một đảng viên Cộng sản, đang bị đế quốc Pháp đày đi Côn Đảo. Con tàu đưa chúng tôi qua Ô Cấp[1] (Nam Kỳ), gặp tàu Clốt-sáp[2] cũng giải tù chính trị từ Bắc Kỳ đưa ra Côn Đảo. Đứng bên này tàu, nhìn qua cửa khoang, tôi sung sướng đến nóng người khi thấy anh em Clốt-sáp hiên ngang trương cờ búa liềm đỏ thắm ngay trên tàu của giặc. Lúc ấy là giữa năm 1930. Anh em tù bên tàu Clốt-sáp bị dồn sang tàu chúng tôi để cùng ra Côn Đảo. Tôi đến ngay để gặp người trương cờ bữa ấy, định biểu lộ lòng khâm phục. Tưởng ai, té ra lại là người quen cũ: Anh Tống Văn Trân!).

Hai lần đầu gặp gỡ anh Trân tuy ngắn ngủi nhưng đã tăng thêm lòng quyết tâm, tăng thêm lòng tin của tôi vào con đường mới tìm được: Con đường công nhân hóa, vận động cách mạng. Do anh Trân rời Vĩnh Trị đột ngột, tôi chưa được vinh dự đứng trong hàng ngũ Việt Nam Thanh

---

[1] *Cap Saint Jacques, nay là thành phố biển Vũng Tàu.*

[2] *Claude Chappe.*

niên cách mạng đồng chí Hội, nhưng lời khuyên của anh thì tôi không thể nào quên. Tôi quyết làm theo anh.

Bấy giờ là vào giữa năm 1927. Đế quốc Pháp đang ra sức bóc lột dân ta với kế hoạch khai thác Đông Dương lần thứ hai một cách quy mô. Nhà máy, đồn điền mọc lên rất nhiều. Các công trình xây dựng, đường sá, cầu cống mở mang nhanh chóng. Tất cả vốn liếng, nhân tài, vật lực tung ra trong giai đoạn khai thác này, đều được rút từ xương máu của nhân dân ta. Ruộng đất bị chiếm. Những đồn điền, như đồn điền Chi Nê, lấy của dân hàng nghìn mẫu ruộng. Biết bao thứ thuế tàn ác, vô lý được đặt ra, trút lên đầu, lên cổ dân ta, khiến cho dân ta đã đói rách lại thêm đói rách.

Khắp các ngả đường, quán chợ, dán la liệt những tờ thông báo mộ phu đi Tân Thế Giới, đi Nam Kỳ làm phu mỏ, phu đồn điền. Thực dân Pháp đang khan hiếm nhân công cho kế hoạch khai thác bóc lột. Vì vậy những tờ thông báo đầy rẫy những lời đường mật: Nào là đi một thời hạn ba năm, hết hạn sẽ được trả về quê, mọi thứ phí tổn tàu xe được trả hết; nào là cơm ăn ngày ba bữa no nê, có thịt bò, có cá; gạo một tháng hai mươi bốn cân, quần áo làm việc mỗi năm hai bộ; nào là khi ốm sẽ được săn sóc, thuốc men không phải nộp tiền; nào là trước khi đi mỗi người sẽ được phát mười đồng để chi phí những khoản cần thiết trước mắt v.v...

Mộ lấy không đủ, thực dân Pháp còn tung bọn cai thầu ta đi khắp nơi rủ rê, dỗ dành những người nông dân

vùng đồng bằng Bắc Bộ mất ruộng, đang thất cơ lỡ vận. Sở mộ phu nhan nhản khắp nơi. Bọn thầu khoán đua nhau nói rồng nói phượng cho cuộc sống thần tiên ở các đồn điền cao su vì cứ mỗi người phu nộp cho Tây, chúng được hai đồng.

Tôi không bị những lời đường mật và những thông báo ngọt xớt ấy đánh lừa. Tôi biết đi là sẽ rất khổ sở, nguy hiểm, thậm chí có thể đi mà chưa biết có ngày về. Nhưng nếu ở lại tôi cũng chết. Vô nghề nghiệp, vô gia cư, một thước đất cắm dùi không có, nếu không đi tìm con đường sống, con đường cách mạng thì cũng chẳng còn đường nào khác. Hơn nữa con đường của tôi vào đồn điền cao su đã vạch rồi. Có vào đây tôi mới thực hiện được ý định "công nhân hóa" để vận động cách mạng.

Cùng với hàng trăm đồng bào các tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình, tôi ghi tên vào sổ mộ phu đi làm ở đồn điền cao su Nam Kỳ. Thế là bắt đầu một quãng đời làm cho tôi hiểu thấu thế nào là cách mạng, hiểu thấu những người công nhân, giai cấp lãnh đạo cách mạng trong thời đại hiện nay.

Đường vào hỏa ngục

Người ta thường nói công nhân cao su có tinh thần đấu tranh quyết liệt đến mức một sống một chết, không bao giờ chịu lùi. Điều đó chẳng sai, bởi vì công nhân cao su không những bị bóc lột, chà đạp đến cực độ trong đồn

điền cao su mà họ còn bị bóc lột, chà đạp ngay từ khi còn đang trên đường đi tới những địa ngục trần gian.

Vào tháng 6 năm 1927, chúng tôi, những phu mới mộ, tập trung hàng mấy trăm con người sống chen chúc trong những lán trại của Sở mộ phu cất tại Hạ Lý, Hải Phòng. Cái cảnh phu mộ chờ tàu nom thật não lòng. Chúng tôi toàn là bà con dân cày mấy tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình. Ruộng một tấc không có, tiền một đồng kẽm cũng không. Bà con cùng đường phải đem nhau đi phu cao su, chứ chẳng mấy ai mắc lừa những lời dụ dỗ của bọn chủ mộ phu ấy. Có rời quê mới biết lòng nhau. Bà con nông dân ta xưa nay ở quê mấy khi để ý đến những chuyện bên ngoài lũy tre làng. Thường ai nấy cắm cúi làm ăn tối ngày, hết chiêm đến mùa, hết làm phân đến trồng màu, có bao giờ được rảnh rang để nghĩ chuyện đó đây.

Ấy thế mà vừa rời làng xóm quê hương, chúng tôi đã quần tụ bao bọc lấy nhau. Có điều gì rất mãnh liệt hút chúng tôi thành một khối. Lúc bấy giờ nghĩ không ra. Mãi sau này chúng tôi mới rõ: Chính những người cùng cảnh nghèo khổ, cùng cảnh bị áp bức phải đoàn kết, đồng tâm với nhau mới mong giành giật được miếng cơm, manh áo.

Chúng tôi phải chờ tàu ở Hạ Lý. Mấy trăm con người trú tại mấy dãy lán mái lợp tôn, rộng như cái chuồng voi, hôi thối vô cùng. Anh em Thái Bình ở một khu, anh em Hà Nam, Ninh Bình mỗi tỉnh một khu. Tôi ở cùng với anh em Hà Nam. Họ mến tôi vì tôi rất thẳng, lại hay chăm sóc

Phu được mộ từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ
vào làm tại các đồn điền cao su Nam Bộ.

những người yếu mệt. Hơn nữa tôi lại biết chữ, thường viết hộ anh em thư từ gửi về cho người thân vài dòng tâm sự trước lúc lên đường.

Chính vì vậy trong cuộc đấu tranh của bà con Nam Định, Thái Bình tôi kể sau đây, anh em phu mộ Hà Nam đã nghe tôi, hết lòng ủng hộ, mặc dù họ hầu như không dính líu tới việc đó. Bấy giờ cái vụ này ầm ĩ trên đất Cảng...

Lúc rời nhà, đến Hạ Lý, chúng tôi ký hợp đồng với bọn cai thầu khoán. Bọn này là tay chân của chủ. Hợp đồng có hai khoản dính dấp với cuộc đấu tranh ở Hy Lạp. Một là cai thầu khoán phải lo cơm nước cho phu mộ. Mỗi người mỗi bữa được hưởng 2 xu. Nếu làm đúng, cơm nước còn khá. Đằng này chủ thầu chỉ chi có 1 xu 2. Gạo

là thứ đã mủn, cơm xới ra hôi mùi cứt gián, vón từng cục. Cá khô thì mục có cả ròi, nhà bếp tống vào bao nhiêu muối, ngửi vẫn khắm lằm lặm. Việc này bị phát hiện, bấy nhiêu anh em của mấy tỉnh đều nhao nhao phẫn nộ.

Lại còn một khoản nữa không ghi vào hợp đồng. Điều này do chủ mộ đặt ra để dụ dỗ dân nghèo đi phu. Chúng bảo chủ thầu chi cho mỗi đầu phu 10 đồng để trang trải vài món vặt trước khi đi. Nhưng bọn chủ thầu ăn chặn ngay một phần. Với anh em Hà Nam, trong đó có tôi, chúng đã nói chi 10 đồng từ trước nên chúng tôi được nhận đủ. Còn anh em Nam Định, Thái Bình, chúng chỉ phát cho mỗi người 6 đồng. Bà con ta ở nông thôn tính tình chất phác xưa nay, làm sao biết được những trò đê tiện ấy. Mà ngay những điều ký kết trong hợp đồng, họ cũng chẳng được đọc. Có người còn bị chúng lừa ký hợp đồng bằng cách thế này: Chúng bảo phải chụp hình để trình nhà nước. Lỡ sau này có xảy ra chuyện gì, chính phủ còn bênh vực. Thế rồi chúng đưa người đi phu ra hiệu chụp ảnh. Chụp nghiêng, chụp thẳng đủ kiểu. Sau đó chúng đưa giấy bảo người ấy điểm chỉ để sau nhận ảnh. Sau đó mới biết giấy đó chính là một bản hợp đồng in sẵn. Cái người bị lừa không bao giờ biết là mình đã điểm chỉ vào giấy bán đứt tính mạng và tự do cho chủ tư bản.

Những điều ký kết trong hợp đồng đã không biết thì tất nhiên những khoản "dặn miệng", họ càng chẳng được ai bảo. Bọn thầu khoán "tùy cơ ứng biến", xén của người này mấy đồng, của người khác mấy đồng.

Vì vậy, số anh em Nam Định, Thái Bình khi nhận mỗi người 6 đồng thì yên trí là chỉ được có bấy nhiêu. Nhưng cái kim giấu trong áo lâu ngày cũng phải lòi ra. Đến Hạ Lý, người nọ hỏi người kia và anh em Nam Định, Thái Bình ngã ngửa người khi biết mình bị bọn thầu khoán ăn chặn mất 4 đồng.

Anh em bà con Hà Nam đem chuyện ăn chặn tiền bàn với tôi. Tôi đáp:

- Chúng ta cùng một cảnh. Người ta đòi thì mình phải theo đỡ vào một tay.

Nhân chuyện cơm nước tồi tệ đang làm mọi người bực tức, thế là cuộc đấu tranh nổ ra. Nói là đấu tranh, nhưng kỳ thực không có ban lãnh đạo, cũng không có tổ chức. Chỉ là cuộc đấu tranh tự phát của những người gặp bước đường cùng, không còn biết sợ là gì. Vai trò của tôi cũng chỉ là người đứng ra, xướng lên vấn đề. Đối tượng đấu tranh của chúng tôi là Phan Tất Tạo. Tên này là thầu khoán, nhận với chủ mộ đứng ra chiêu dụ người Bắc Kỳ bán cho Tây. Tạo rất ít khi đến khu Hạ Lý. Ngay các bữa cơm của chúng tôi cũng không bao giờ có mặt hắn.Thường hắn chỉ để bọn tay chân tiếp xúc với phu mộ.

Trưa hôm ấy như mọi bữa, cơm của chúng tôi mỗi người chỉ có một bát, thức ăn là một miếng cá khô bằng ba ngón tay, vẫn thứ cá khô mặn chát, thịt cá thâm xì, mùi khắm lặm. Thùng nước chè bánh chỉ đủ cho mỗi người một bát. Thế là cuộc đấu tranh nổ ra. Chúng tôi bỏ không ăn. Mấy trăm người hò la đòi Phan Tất Tạo đến.

Bọn tay chân của Tạo sợ mất vía. Vừa thấy chúng tôi reo hò bãi thực, bọn này chuồn thẳng.

Tiếng hò la của bọn chúng tôi náo động khu Hạ Lý. Lúc ấy, chúng tôi cũng không ngờ cuộc đấu tranh nổ đúng vào thời cơ thuận lợi. Vì bọn thực dân đang cần nhiều nơi tập trung mộ phu. Trong lúc còn ở ngay đất Bắc, gần quê hương, việc bỏ ra về không đi rất dễ xảy ra hàng loạt. Vì vậy Phan Tất Tạo phải đến gặp chúng tôi ngay. Đầu tiên, y tìm cách xoa dịu, hẹn lần sẽ chu tất cơm nước. Nhưng chúng tôi nhao nhao phản đối, đòi Tạo phải làm đúng lời hứa và các điều quy định trong hợp đồng. Anh em nói: "Chúng tôi bán quê, bán mạng có 10 đồng bạc, bây giờ không trả đủ, chúng tôi không đi".

Phan Tất Tạo thấy anh em chúng tôi làm găng, cứ chỉ lời nói rất quyết liệt. Y biết không xuôi đành phải nhận lời. Ngay bữa trưa hôm ấy, y làm thêm cơm nước chu tất. Còn số tiền ăn chặn của anh em Thái Bình, Nam Định thì vì ê mặt nên mãi đến tối, y mới cho tay chân cầm đến gọi tên từng người, trao trả tận tay.

Thế là cuộc đấu tranh đầu tiên đã thắng lợi. Qua lần này, tôi càng rõ người nông dân lúc thường miệng ai tai nấy, nhưng khi tập hợp lại với nhau thì rất đồng tâm. Cuộc đấu tranh vừa kết thúc, trong lúc tạm trú ở Hải Phòng, tôi được gặp lại anh Tống Văn Trân. Anh Trân nghe chuyện chúng tôi thắng lợi thì rất mừng. Anh khen và dặn: "Thế là đúng đấy ! Cứ như vậy mà làm nhé !". Lời dặn của anh luôn luôn ghi sâu trong lòng tôi. Sau này,

chúng tôi luôn luôn ở thế tấn công kẻ địch theo lời dặn quý báu ấy.

Thế rồi chiếc tàu chở chúng tôi đi, đã cặp bến Hải Phòng. Chiếc Com-măng-đăng Đô-ri-e[1] là một tàu chở hàng thường cặp bến Hải Phòng, ăn quặng sắt Thái Nguyên đem về Pháp. Lần này, ngoài số quặng, còn một món hàng "người".

Lên tàu, anh em phu mộ được chia từng khu theo quê quán hàng tỉnh. Hà Nam một khu, Nam Định, Thái Bình mỗi tỉnh một khu. Chủ tàu quẳng cho mỗi người một chiếc chiếu trải ngay xuống sàn tàu làm nơi ăn ngủ.

Tinh thần anh em, sau lần đấu tranh thắng lợi, bây giờ lên cao, càng đồng lòng với nhau. Một số nhỏ gồm hào lý thua bạc, mất chức, bỏ nhà đi phu, từ trước vẫn lừng khừng, nay cũng bị cuốn theo chúng tôi. Một số anh em Hà Nam cùng lứa tuổi 18 rất phục cái tính dám làm, dám chịu của tôi. Họ lôi kéo thêm một số thanh niên Nam Định, Thái Bình. Sự gần gũi thân mật ấy làm dịu được nỗi lòng tha phương cầu thực của anh em.

Rồi hoàn cảnh bắt buộc chúng tôi phải nổ ra một cuộc đấu tranh mới. Tàu Đô-ri-ê do một thiếu tá Pháp làm cấp-ten[2]. Thuỷ thủ cũng toàn là người Pháp. Bếp tàu cho chúng tôi ăn đói. Cơm nước cũng tồi tệ như hồi ở Hạ Lý.

---

[1] *Commandant Dorier.*

[2] *Captain – thuyền trưởng.*

Anh em chúng tôi có kinh nghiệm đấu tranh trong vụ Phan Tất Tạo, đã nhao nhao phản đối. Anh em tìm đến hỏi tôi. Tôi bàn bạc với mọi người. Cuối cùng, tất cả thống nhất ý kiến phải đấu tranh.

Tôi nhận sẽ đứng ra nói chuyện với chủ tàu. Lúc đó, trên tàu có một số anh em đỗ xéc-ti-phi-ca[1] (tương đương với tốt nghiệp cấp I), họ nói tiếng Pháp tàm tạm. Tôi họp anh em lại được khoảng chín, mười người. Tôi nghĩ cần có người thay thế nếu tình hình găng và bọn chủ tàu bắt tôi. Hoàn cảnh ấy buộc tôi phải tìm thêm vây cánh.

Đến trưa, chúng tôi bãi thực, yêu cầu cho gọi chủ tàu đến. Một lát sau, viên thiếu tá cấp-ten bước vào khoang. Tôi đứng ra thay mặt anh em, dùng tiếng Pháp nói với y:

- Theo hợp đồng, chúng tôi được ăn no, cơm có thịt, có nước chè nóng để uống. Thế mà nhà bếp cho chúng tôi ăn đói, nước cũng chả đủ. Yêu cầu ông làm đúng hợp đồng !

Chủ tàu giận tái mặt. Y cãi xoá:

- Cho các anh ăn no rồi các anh say sóng, mửa hết ra sàn tàu thì sao ?

Tôi không nghe, vặn lại:

- Ông nói không đúng. Ăn no là quyền của chúng tôi được hưởng. Còn ăn no rồi có người mửa, cũng có người không. Cứ phải cho chúng tôi ăn no.

---

[1] *Certificat.*

Chủ tàu đuối lý không tranh luận nữa. Nó nổi khùng, trở mặt bắt luôn tôi và dọa ném xuống biển. Tôi không sợ cái trò dọa dẫm ấy, vẫn giữ vững ý kiến đã nêu. Nó nhốt tôi vào cầu tiêu và bắt mọi người cứ ăn. Không ngờ tinh thần anh em rất cương quyết. Chủ tàu ra sức dọa dẫm, còn anh em một lòng sống chết có nhau, cương quyết không ăn. Anh em thủy thủ Pháp rất phục. Họ lén ném cho phu mộ hàng gói bánh mì, pho-mát. Họ nháy mắt, hất tay ra hiệu khuyến khích anh em cứ làm tiếp. Đến chiều, chủ tàu phải nhượng bộ cho cơm nước tử tế. Bữa ấy có cả thịt bò. Còn tôi, chủ tàu phải thả ra. Anh em phu mộ sung sướng, niềm nở đón tôi về.

Thế là từ một số thanh niên, đám người quy về một mối với tôi càng đông hơn. Bấy giờ tôi mới hai mươi tuổi, vẻ người dễ thương, tính tình chất phác, cương trực, dễ gây cảm tình với mọi người. Anh em tin cậy "cậu" Phu[1] hết mực, chuyện gì cũng mang đến hỏi.

Còn anh em thủy thủ Pháp cũng rất mến tôi. Ngay bữa đấu tranh thắng lợi, anh em đưa tôi về phòng thủy thủ, đem rượu, bánh, thịt bò ra thết đãi. Chúng tôi chuyện trò với nhau rất vui vẻ. Sau đấy còn hát cho nhau nghe những bài dân ca Pháp, Nam.

Sau lần đấu tranh này, tôi mặc nhiên trở thành đại biểu của anh em phu mộ. Có điều gì anh em lại tìm hỏi han,

---

[1] *Tên khai sinh của tôi là Phạm Văn Phu.*

trình bày. Ngay cả bọn chủ cũng vậy, nếu định giao việc gì cho anh em phu mộ, chủ tàu cũng tìm đến tôi. Nhưng sự dễ chịu tương đối chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi mấy ngày cuối cùng trên tàu Đô-ri-ê. Đến Khánh Hội (Sài Gòn), sự đàn áp khốc liệt của bọn chủ đồn điền cao su đã thể hiện rõ rệt.

Tàu Đô-ri-ê vừa cập bến Sài Gòn, bọn xu-vây-dăng[1] cả Tây lẫn ta đã xông lên. Chúng dùng gậy gõ vào đầu phu mộ mà đếm như đếm súc vật. Anh em chúng tôi thì đồ đạc lỉnh kỉnh, bị rách, tay nải, thúng mủng... Có người còn bìu ríu cả vợ con. Rất nhếch nhác. Rồi cả đám hàng mấy trăm con người bị bọn xu-vây-dăng lùa lên bộ như lùa một đàn bò.

Trên bến cảng, bọn lính mã-tà đông như rươi. Chúng chia nhau đứng hai bên đường, cách mười thước một thằng, tay lăm lăm roi cặc bò, dùi cui. Đểu nhất là những thằng Tây lai. Chúng cứ chửi luôn mồm: "Đ. mẹ chúng mày. Đồ mọi rợ !". Vừa chửi chúng vừa vụt roi túi bụi lên đầu lên cổ chúng tôi. Những thằng khác đểu cũng chẳng kém. Chúng giục liên hồi: "Đi tới, đi tới !". Rồi cũng vút roi túi bụi . Anh em tức sôi sục nhưng vì chưa chuẩn bị đối phó nên đành nín thinh đi về khu tập trung.

Đến nơi, vừa hạ hòm xiểng xuống đất là anh em đến gặp tôi. Chúng tôi bàn nhau cử ra một đại diện để giao

[1] *Surveillant - Giám thị.*

dịch với bọn xu-vây-dăng. Lần này tôi không ra mặt, nhiệm vụ đại diện được trao cho anh Trương Lạp. Anh Lạp vốn quê ở Cát Lại, Bình Lục. Anh cao lớn, khỏe mạnh, mặt lúc nào cũng đỏ như Quan Công. Tính anh mạnh bạo, gặp khó khăn đến mấy cũng không lùi, gặp nguy hiểm thế nào cũng không chờn, nhưng phải cái tính nóng như lửa.

Chúng tôi la hét đòi gặp chủ mộ để phản đối việc đánh đập. Bọn xu-vây-dăng và mã-tà kéo đến. Một tên hỏi chúng tôi:

- Làm sao chúng mày la hét như vậy ?

Anh Lạp nổi nóng vặc luôn:

- Các thầy vừa chửi vừa đánh chúng tôi từ dưới tàu lên tới đây. Nếu bây giờ chúng tôi chửi các thầy một câu xem các thầy nghĩ thế nào ?

Bọn xu-vây-dăng và mã-tà lập tức xáp lại đánh chúng tôi túi bụi. Anh Trương Lạp bị chúng quật dùi cui vào đầu, nằm dài trên mặt đất, máu mê bê bết. Tôi hô anh em. Tất cả hò la rầm rầm, đập phá lung tung. Bọn xu-vây-dăng và mã-tà hoảng sợ, chạy đi gọi mật thám Tây. Một lát sau, chúng kéo đến. Cầm đầu là một tên Pháp nói tiếng ta rất thạo. Nó hỏi:

- Thế nào ? Các con làm gì thế ?

Vừa tức vì chúng coi mình như súc vật, vừa tức vì thằng mật thám Pháp gọi mình bằng *con*, tôi nóng máu, bước ra trả lời:

- Chúng "ông" ký công-tờ-ra[1] vào đây làm. Công-tờ-ra giao hẹn không được đánh. Nó lại đánh chúng "ông". Thế là sai pháp luật. Nếu cứ đánh nữa, chúng "ông" sẽ đưa ra tòa !

Bốn bề anh em nhao nhao chửi rủa. Thấy găng quá, tên mật thám đấu dịu:

- Các con cứ giữ trật tự rồi đâu có đó.

Nó sợ tiếng la hét lọt ra ngoài, mặt khác cũng muốn giao xong phu cho Sở cao su để hết trách nhiệm. Nó đồng ý đổi hai thằng xu-vây-dăng lai đánh giữ nhất đi nơi khác. Còn anh Lạp chúng cho cáng đi nhà thương buộc thuốc. Sau này, anh Lạp bị ốm chết ở Phú Riềng năm 1928, nếu không, chắc anh cũng trở thành một chiến sỹ tốt.

Sau lần xô xát này, chúng tôi mới để ý tới nơi ăn chốn ở mà bọn xu-vây-dăng gọi là sở tân-đáo[2]. Kỳ thực tân-đáo là một chi nhánh của Sở Mật thám Nam Kỳ. Nó giống hệt như một trại tập trung, bốn bề rào dây thép gai có lính mã-tà và mật thám canh gác ngày đêm. Bên trong là mấy dãy ba-rác[3] lợp tôn. Mỗi ba-rác có hai dãy sàn lim hai bên. Bên trong ba-rác tối om vì không hề có một cửa sổ nào trừ cửa lớn ra vào.

Ở đấy, bọn mật thám sục sang luôn. Những ai chưa ký công-tờ-ra đều bị buộc phải làm cho đầy đủ. Công-tờ-ra

---

[1] *Contract – hợp đồng.*

[2] *Nơi đón tiếp người mới đến.*

[3] *Baraque - Lán trại dài.*

có vài điều kiện nghe rất mị dân nhưng sau này chúng không thi hành, còn lại là những điều khoản rất khắc nghiệt. Theo công-tờ-ra, công nhân cao su được lương công nhật, có nhà ở, có trạm y xá chữa bệnh không mất tiền, lương thực được mua theo giá rẻ của đồn điền. Khi hết hạn ba năm, họ được trở về quê quán, chủ đồn điền phải chịu tiền phí tổn. Nhưng trong thực tế, tất cả những điều trên đều không được thi hành hoặc không được thi hành đầy đủ.

Nói đến chữa bệnh không phải trả tiền, tôi chỉ nêu ra một thí dụ: Hễ con bệnh lên trạm xá của đồn điền xin thuốc, chữa bệnh, bọn y tá của đồn điền sẽ cho một cái đơn "hiệu nghiệm" là bắt nhịn ăn vài ngày để bệnh khỏi "tiến triển". Thế là người bệnh lần sau dù nặng mấy cũng đố có dám đi khám. Hoặc có nhiều điều kiện chúng tôi phải đấu tranh gian khổ mới buộc được chúng thi hành, như khoản nước nóng uống trong giờ làm việc.

Những điều khoản khắc nghiệt thì khá nhiều. Có khoản ghi: Ai không tuân lệnh trên, làm ồn ào, gây sự hoặc vắng mặt không xin phép sẽ bị phạt tiền; vi phạm lần thứ hai sẽ phạt tù từ 5 đến 10 năm biệt xứ, nếu tội đó bị gán cái tên "phá rối trị an".

Một khoản khác lại ghi: Không giao việc quá sức cho đàn bà. Người nào đẻ được nghỉ một tháng, sau khi đẻ hai tháng chỉ giao việc nhẹ. Nhưng thực tế, người phụ nữ còn nhục nhã quá phu nam. Những cảnh khổ đó tôi sẽ kể lại sau.

Ở Sở tân-đáo Khánh Hội chừng một tuần thì mọi giấy má đã làm xong. Trong thời gian chờ đợi, anh em chúng tôi càng xiết chặt mối thân tình với nhau. Khi nói chuyện với nhau toàn những điều thiết thực. Chẳng hạn: "Chúng ta đi đây xa làng, xa nhà cửa, không bà con thân thiết. Vậy thì phải biết che chở cho nhau". Hoặc: "Chúng nó súng ống, dùi cui tua tủa, ta phải đồng tâm, hiệp lực mới sống nổi được". Hay: "Cố gắng đùm bọc lấy nhau, đợi hết ba năm công-tờ-ra mà về với vợ với con, với làng với nước". Nhưng thật ra thì số người về được cũng sẽ rất ít...

Một hôm, xe hơi vận tải của các sở cao su ùn ùn kéo đến tân-đáo. Bấy giờ ở Nam Kỳ có nhiều công ty lớn thuộc ngành cao su. Ví dụ như Công ty "Đất đỏ"[1]. Sở dĩ có tên này vì ở Nam Kỳ có hai loại đất, một loại đỏ và một loại xám, cả hai đều thích hợp cho việc trồng cao su. Ngoài Công ty "Đất đỏ" còn có các công ty "Mi-mô", "Mi-sơ-lanh", "Cây nhiệt đới"[2]... Mỗi công ty lập một số đồn điền riêng của mình. Đất đai Nam Kỳ bị chúng chia nhau chiếm đoạt. Có công ty xin khai khẩn một lần tới 50.000 héc-ta đất. Vì vậy, nhân công rất thiếu. Mỗi chuyến phu mộ tới phải chia cho các công ty khác nhau để điều hòa quyền lợi giữa các công ty.

---

[1] *Compagnie des Terres Rouges.*
[2] *Mimot, Michelin, Tropic Tree.*

Lần này cũng vậy, số anh em chúng tôi cũng bị chúng chia đi các đồn điền cao su ở Sa Cam, Sa Cát, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Bò Dốt và Phú Riềng. Chúng chia anh em đi theo tỉnh. Vì vậy, một trăm năm mươi anh em Hà Nam, trong đó có tôi, bị đưa về Phú Riềng. Đám phu Phú Riềng di chuyển cuối cùng.

Chẳng nói cũng có thể hiểu rõ nỗi lòng của chúng tôi khi bị chia năm, sẻ bảy. Tình cảm đã xiết chặt sau những ngày sểnh nhà, đói khát, bạc đãi, roi vọt và đấu tranh thắng lợi. Chúng tôi đinh ninh rằng sẽ sống chết có nhau trong ba năm. Ấy thế mà đành phải chia tay nhau. Thử hỏi lòng dạ chúng tôi đau xót đến mức nào !

Riêng đối với tôi, anh em Thái Bình, Nam Định rất quyến luyến. Họ bịn rịn từ biệt. Xếp đồ đạc lên xe rồi, có người còn nói với tôi:

- Giá được "cậu" đi với chúng tôi thì hay quá !

Được anh em quý mến tin cậy, tôi bùi ngùi cảm động. Tôi chẳng biết nói gì hơn ngoài lời dặn: "Thôi các bác đi. Mong rằng các bác đồng tâm với nhau, sau ba năm lại về quê cũ. Có khi được về cùng một chuyến tàu cũng nên".

Quả thật lúc đó chúng tôi không ngờ rằng số người thoát chết sẽ rất ít. Chúng tôi cũng không hình dung nổi cảnh sống ở các đồn điền cao su ra sao. Nhưng kể cũng may là có người còn sống sót để thuật lại những cảnh rùng rợn ở các địa ngục trần gian ấy...

Các đoàn lần lượt rời Sở tân-đáo. Chúng tôi, một trăm năm mươi anh em Hà Nam lên đường vào Nam, hết hạn

không được trở về quê, nhiều anh còn bị đế quốc Pháp chở tàu đem đày ra Côn Lôn. Nhưng đó là chuyện của ba năm sau...

Địa ngục trần gian

Sau hai ngày ôtô lắc kinh hồn, một trăm năm mươi anh em Hà Nam đặt chân lên đất Phú Riềng. Bước xuống xe, ai nấy kinh hoảng nhìn quanh cái nơi chúng tôi sắp phải sống cho qua ba năm.

Phú Riềng là một địa điểm nằm ở miền cực tây cao nguyên Di Linh. Độ cao của nó so với mặt biển khoảng hai, ba trăm mét, có rải rác những cồn gò cao sáu bảy trăm mét. Phú Riềng nằm giữa lòng một vùng rừng già nhiệt đới, phía bắc là vùng biên giới với Cao Miên. Phía tây là vùng rừng Lộc Ninh kéo dài tới Cam-pu-chia. Rừng ở đây còn ở trạng thái tự nhiên, chưa hề có bàn tay con người khai thác. Chất đất rất tốt, màu đỏ như son. Đó là "nham huyền vũ" từ núi lửa phun ra, lâu ngày tan nhuyễn thành thứ mùn mầu mỡ. Vì vậy, tre nứa mọc ken xít vào nhau. Cây gỗ thì rất lớn, phải bảy - tám người ôm mới xuể. Những gốc dầu, gốc sao cao vút, tán xoè rộng chen cành vào nhau. Ánh nắng mặt trời giữa trưa cũng không xuyên thấu.

Những người dân đồng bằng chúng tôi bơ vơ, rách rưới đứng trước cảnh ấy bị ngợp hoàn toàn. Vì thế, ai nấy càng thêm lo lắng, càng thêm nhớ nhà.

Đồn điền Phú Riềng thuộc tài sản của Công ty cao su Mi-sơ-lanh. Anh em chúng tôi là toán công nhân đầu tiên tới để khai phá. Đồn điền khá rộng, bề dài ngót hai chục cây số, bề ngang trên mười cây. Cứ khoảng một cây số chúng cho lập một làng. Chúng tôi là toán công nhân đầu tiên nên ở làng số 1. Ở mỗi làng, đồn điền xây dựng mấy dãy ba-rác. Mỗi ba-rác là chỗ sinh sống cho năm mươi công nhân. Bên trong mỗi ba-rác, chúng dùng ván gỗ ngăn thành mười lán. Mỗi lán vuông vức mỗi bề 5 mét. Chúng tôi chia nhau năm người một lán. Ngủ trên sàn gỗ dài, nấu cơm ngay trong lán. Trong lán chật chội đến nỗi chỉ đặt nổi bàn chân mỗi khi ra vào. Điều kiện vệ sinh lại thấp kém. Mưa thì lội, nắng thì chói chang. Khí hậu vùng này nóng nực, ẩm thấp mà lán không trổ cửa sổ, mái tôn lợp thấp lè tè cho nên ở trong lán, người ta có cảm giác như sống trong hỏa lò quanh năm ngày tháng.

Về tổ chức, mỗi làng là một đội sản xuất, đồng thời là một đơn vị hành chính. Đến giờ tầm đi làm, chúng tôi họp thành từng kíp khoảng chục người có một cai người Việt trông coi. Cai ta thì chẳng hơn chúng tôi bao nhiêu, lương chênh tí chút nhưng được cất riêng mỗi cai một gian lán. Trên cấp cai là bọn xu-vây-dăng, mỗi thằng coi vài ba kíp. Bọn này thường là Tây lai. Bọn xu-vây-dăng dưới quyền mấy tên xu-vây-dăng sếp. Mấy tên này chịu trách nhiệm điều khiển mọi công việc của Phú Riềng. Bọn chúng được hưởng mọi đặc quyền đặc lợi. Từ xu-vây-dăng trở lên là cuộc sống đã khác hẳn. Mỗi thằng xu-vây-dăng được hai

gian rộng rãi, cao ráo, đồ đạc đầy đủ, từ bàn ghế giường tủ tới nồi niêu xanh chảo. Xu-vây-dăng sếp có nhà riêng làm ở từng làng. Nhà nào cũng thoáng đãng, lắp cửa kính, cửa chớp đàng hoàng. Bên trong nhà chia làm bốn phòng ngăn nắp, sạch sẽ: Hai phòng ngủ, một phòng ăn, một phòng tiếp khách. Đồ đạc bằng gỗ tốt, đóng kiểu đẹp, đánh véc-ni bóng nhoáng. Anh em công nhân rất ít khi được đặt chân vào nhà của xu-vây-dăng sếp, trừ khi nó gọi lên để tra hỏi chuyện gì. Bọn xu-vây-dăng sếp lại có quyền lấy mấy công nhân lên nhà làm bếp cho nó ăn, dọn dẹp quét tước, lau chùi bàn ghế hoặc giặt giũ cho nó.

Trên cùng là chủ nhất. Tên này như vua con ở đồn điền. Nó có một ngôi nhà diêm dúa làm theo kiểu "boong-ga-lô"[1]. Xe hơi riêng có vài chiếc. Chiếc này chạy trong đồn điền, chiếc kia để đi công việc, chiếc nọ thì để vợ chồng con cái đưa nhau đi rong chơi.

Trong boong-ga-lô lúc nào cũng có hàng chục người phục dịch hầu hạ, thôi thì từ thư ký, lái xe, bồi, bếp, đến chị hầu, cai vườn. Nhà chủ nhất thâm nghiêm như cung cấm vua chúa. Anh em công nhân không ai dám bén mảng đến gần. Ở đấy ba năm mà tôi chỉ được đặt chân vào nhà của chủ nhất có một lần, lúc anh em Phú Riềng nổ ra cuộc đấu tranh đầu năm 1930, chiếm được đồn điền trong mấy ngày.

---

[1] *Bungalow - Biệt thự.*

Cả bọn, từ chủ nhất đến xu-vây-dăng, đều được tuyển lựa từ quân đội Pháp đưa vào. Tôi sẽ điểm mặt, chỉ tên những đứa "nổi tiếng" ở phần sau. Nói chung, bọn xu-vây-dăng đều là những tên đao phủ, những con quỷ sứ hung ác của địa ngục trần gian Phú Riềng. Đứa nào chửi công nhân giỏi sẽ mau lên lương, đứa nào đánh công nhân thật ác cũng mau lên lương. Hình phạt thông thường nhất là bắt trật quần, đánh vào mông đít, hoặc đánh vào bàn chân đến mất gan bàn chân. Đánh xong còn bị giam trong nhà tối, chân bị cùm, bỏ đói hàng hai - ba ngày. Có người bị bỏ quên trong đó đến chết khô.

Nữ công nhân nom sạch mắt một chút càng tội nghiệp. Hết xu-vây-dăng sếp đến xu-vây-dăng thường, rồi cai Tây, cai ta gọi lên. Chỉ qua vài tuần, thân tàn tạ chẳng khác nào chiếc lá héo. Nếu có chồng, còn liên lụy cả đến chồng. Hễ chống cự cưỡng lại là chúng đánh người chồng đến chết. Khi giày vò đã chán chê, thả cho về thì chị em đã ra ma.

Sau khi đến Phú Riềng được một ngày, bọn chủ đã phát đồ nghề làm ăn cho chúng tôi. Mỗi người một nón lá, một áo tơi; mỗi người phải giữ và bảo quản một con rựa, một cái cuốc và một lưỡi búa nguyệt. Đồ nghề toàn loại đúc bằng thép tốt, đưa từ Pháp sang. Chúng tôi phải mài dao, búa cho thật sáng, thật bén. Bọn "xu"[1] khám

[1] *Cách anh em gọi bọn xu-vây-dăng.*

luôn, hễ thấy cùn hoặc chớm gỉ là đòn ngay. Ngoài các thứ đó ra, mỗi người còn được phát thêm một mảnh gỗ đánh số, đeo vào cổ như số tù.

Bấy giờ ở Phú Riềng còn là rừng hoang, chưa có gốc cao su nào. Chúng tôi phải phá hoang từng khoảnh rừng lớn để sửa soạn trồng cây cao su. Công việc khai phá buổi đầu rất nặng nhọc, nguy hiểm, mà hoàn toàn không có bảo trợ[1].

Trước tiên công nhân phải hạ cây, phát bụi, phơi nắng cho khô rồi nổi lửa đốt. Việc hạ cây rất nguy hiểm, những cây sao, cây dầu hàng bảy tám người ôm, tán vươn trên cao chẳng biết xòe cành đến đâu. Mỗi khi gốc cây gãy, cây đổ rầm xuống, tiếng cành vụt rào rào nghe ghê người. Sau mỗi lần nghe cây đổ, công nhân phải nín thở lắng tai xem có tiếng ai kêu la không. Tai nạn luôn xảy ra. Nhẹ thì vài người bị cành nhỏ quật gãy chân, sái tay hoặc toạc mặt. Có hôm tới hai, ba người bị cây đè chết. Càng về tối, cây hạ càng nhiều, người mệt rồi, không còn nhanh nhẹn như lúc sáng sớm tinh mơ nên kém tỉnh táo đề phòng. Vì thế đây là lúc tai nạn xảy ra nhiều nhất.

Đi hạ cây chẳng mấy tuần là không có người bị cây đè chết. Buổi sáng đi làm nơm nớp chẳng biết đến chiều có còn sống sót mà về ! Công việc đã nguy hiểm mà làm lụng lại nặng nhọc. Mỗi sớm, chúng tôi phải thức giấc từ

[1] *Ý nói đến bảo hiểm tai nạn.*

bốn giờ sáng để nấu cơm ăn, năm giờ rưỡi đã phải tề tựu xếp hàng trong sân làng để cho bọn xu-vây-dăng điểm danh. Lúc điểm danh, mấy thằng "xu" lại dùng ba-toong gõ vào đầu công nhân cốm cốp mà đếm. Cái trò ấy chẳng thằng nào không làm, chúng dường như thích thú nữa là khác. Hễ ai đến chậm vài phút là chúng phạt một đồng mà lương chỉ có bốn hào một ngày công.

Sau đó bọn "xu" dẫn chúng tôi ra săng-chi-ê[1] từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều. Bọn tôi phải làm quần quật dưới ánh nắng chói chang như thiêu như đốt; trừ mười lăm phút buổi trưa nghỉ ăn cơm, uống nước, đi ỉa đi đái.

Bọn "xu" đốc thúc chúng tôi làm không ngơi tay. Nào đốn cây, nào làm cỏ, đào lỗ trồng cao su. Mãi đến sáu giờ chiều trở về làng, người nào cũng mỏi nhừ. Thế mà về đến làng lại phải vội vã vác ống nứa ngộ ra suối lấy nước và kiếm dăm ba cây củi nỏ về nhóm lửa nấu cơm ăn. Dăm con cá khô nướng lên khét lẹt, đăng đắng. Bữa nào háo người thì cố kiếm nắm lá văn khôi, lá bứa nhăng nhít ngoài rừng nấu ít canh suông cho đỡ xót ruột. Ăn chập ăn chuội. Xong một ngày. Người không còn tí chút hăng hái nào nữa, chỉ còn cách chui vào lán ngủ vùi để sáng mai nghe hồi còi của "xu" là lại vùng trở dậy, cơm nước, bắt đầu một ngày lam lũ mới. Sức khỏe ngày hôm nay chẳng bao giờ bằng ngày hôm qua. Mỗi ngày một mòn mỏi - má

---

[1] *Chantier – khu vực công trường.*

hóp, răng nhô, mắt trũng quầng thâm, xương đòn gánh đội vai áo... Nom người nào người ấy chừng như sắp chết đến nơi.

Khí hậu vùng này độc, muỗi rừng rất nhiều, con nào con nấy to tướng, màu vàng hoe, cánh trông óng ánh. Chúng bay vo vo trên không rồi sà xuống đốt thấu quần áo. Đấy là loại muỗi sốt rét, lúc đậu đuôi cong vắt chổng ngược lên trời. Đã vậy nước uống lại không đun sôi, ai khát cứ tự mình tìm khe mà uống. Vì vậy bệnh sốt rét lan tràn rất nhanh. Chỉ một tháng sau khi tới Phú Riềng, chẳng còn ai chưa lên cơn sốt. Ngoài muỗi còn mòng. Những con mòng tròn như hạt thầu dầu, màu đỏ tía. Hễ cắn vào đâu, vết mòng loét thành sâu quảng đến đấy, chữa không khỏi thì què.

Nhưng muỗi, mòng Phú Riềng không làm chúng tôi kinh sợ bằng mối rừng. Ở vùng cao nguyên đất đỏ này, mối rừng nhiều hơn kiến. Cứ khoảng bốn giờ chiều, chúng kéo đi cả đàn, mối thợ nhỏ xíu đi giữa, mối lính đầu to gấp đôi thân, hai nanh cong như càng cua đi hai bên để canh giữ. Hễ có động, đàn mối dừng cả lại, mối lính quay đầu ra chung quanh, ngỏng cổ, giơ nanh ra rồi dập mạnh xuống lá khô rào rào. Giống mối này có con to bằng đốt ngón tay, hai nanh cong vắt, vừa nhọn, vừa sắc. Đi săng-chi-ê giẫm phải mối rừng, hai nanh nó ngoạm bật máu ra. Nó đã ngoạm được vào thịt rồi thì hai mũi nanh cong vút của mối khóa chặt vào nhau, ta có dứt chỉ được phần thân còn cái đầu của nó đứt lại, nanh móc sâu

Phu đồn điền khai phá rừng để trồng cao su dưới sự giám sát của xu-vây-dăng Pháp.

trong thịt. Trong anh em chúng tôi lúc đầu có người chưa biết đến giống ấy. Một lần có công nhân cùng quê Hà Nam với tôi, làm việc mệt quá lên cơn sốt, không thể đứng lên để về, phải nằm lại săng-chi-ê. Đêm ấy, mối lên xơi đến sáng, người bất hạnh chỉ còn bộ xương trắng hếu. Những đêm chúng tôi đi làm về muộn, nghe tiếng mối ăn rào rào, ai cũng sởn gai ốc !

Làm việc nặng nhọc quá mức trong một vùng khí hậu xấu, trong khi đó chúng tôi lại phải ăn uống quá ư kham khổ. Theo công-tờ-ra đã ký thì chúng tôi được phát gạo không phải trả tiền và còn được mua thức ăn rẻ của đồn điền. Nhưng bây giờ, chúng tôi phải nhận hai mươi bốn cân gạo trừ vào lương hàng tháng. Không ai được đong gạo hoặc mua thức ăn tự ý ở bên ngoài. Gạo đồn điền là

thứ gạo lứt vón hòn, giá lại cao hơn giá gạo tốt ở bên ngoài. Cứ đầu tháng, đồn điền phát cho chúng tôi tích kê gạo để lĩnh dần. Thức ăn chỉ có một món "truyền thống" là cá mắm hạng xấu, nhưng chúng tính giá cao như vàng. Hễ ai ho he một câu, bọn "xu" ra roi như mưa bấc.

Vì vậy ngoài bệnh sốt rét, chứng kiết lỵ trở thành kinh niên trong công nhân cao su. Người ngợm cứ gầy rộc đi trông thấy, thân thể rạc dần rạc dần rồi chết khô chết héo, làm phân bón cho mấy gốc cao su của bọn chủ tư bản.

Cũng có người liều lĩnh lên xin thuốc trạm xá xây dựng ở mỗi làng. Bọn y tá Tây cho công nhân uống thuốc IPK. Ai nấy về mửa đến mật xanh, mật vàng, hoặc chúng cho đơn nhịn ăn vài ngày - nói là để chứng kiết lỵ "đỡ tiến triển".

Nếu là nữ công nhân thì còn bị bắt phải ngủ với chúng. Bệnh dù khỏi, dù còn, người nữ công nhân cũng bị y tá Tây giày vò kỳ chán mới thả cho về đi làm.

Ngày chủ nhật, chúng tôi chỉ được nghỉ trên danh nghĩa. Hôm đó phải làm vệ sinh quanh khu lán, kể cả lán của cai và nhà riêng của xu-vây-dăng. Tính ra mỗi người mất năm giờ lao động không lương. Thành thử quanh năm không được một ngày nghỉ thật sự.

Về lương bổng thì mấy đồng tiền kiếm được cũng bị bòn rút nốt. Ở mỗi làng, bọn vợ con xu-vây-dăng mở hàng tạp hóa bán giá rất đắt. Ai không mua những thứ cần thiết như kim chỉ, bì thư ở đây thì cũng chẳng đi nổi đâu mà mua. Những cửa hàng này cũng là sòng xóc đĩa.